

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công
2. Ông Trần Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 478/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2022 về vụ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 271/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* anh Lê Khánh L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Lê Khánh L do quen biết, tìm hiểu nhau quyết định tiến đến hôn nhân được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày, không tin tưởng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung đến năm 2021 vợ chồng sống ly thân đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Khánh L.

Về con chung: Chị và anh Linh có 01 người con chung tên Lê Tấn Đ, sinh ngày 29/12/2015 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chưa đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: Quá trình chung sống chị và anh L không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2023, cháu Lê Tấn Đ trình bày: Cháu là con ruột anh Lê Khánh L và chị Trương Thị Ngọc T. Từ trước đến nay cháu đang sống chung với chị Tt. Nếu anh L và chị T ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Càng Long tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Lê Khánh L biết nhưng anh L vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và cũng không có mặt tại phiên toà để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có mặt tại Toà mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T. Cho chị T được ly hôn với anh L. Về con chung giao chị T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; về tài sản do chị T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xét; về nợ chị T khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Trương Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Lê Khánh L có nơi cư trú tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về tố tụng:* Chị Trương Thị Ngọc T, anh Lê Khánh L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 271/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023 và Giấy triệu tập đương sự nhưng vắng mặt tại phiên toà, chị T có đơn đề nghị Toà án xét xử

vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Trương Thị Ngọc T, anh Lê Khánh L tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 09 tháng 5 năm 2016. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân của chị T, anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của chị T, anh L không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, chị T, anh L không tìm giải pháp khắc phục mà sống ly thân. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 17/02/2023 đối với bà Cao Thị D là mẹ ruột anh L, được bà D cung cấp bà có nhận thay cho anh L các văn bản tố tụng tố tụng của Tòa án và có giao lại cho anh L biết để đến Tòa nhưng anh L nói không đến. Theo bà thì hôn nhân của chị T và anh L không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ lại vì anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do đó, căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh L.

[4]. *Về con chung*: Chị T và anh L có 01 người con chung tên là Lê Tấn Đ, sinh ngày 29/12/2015. Chị T yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn vì từ trước đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Quá trình tố tụng anh L không có ý kiến về việc nuôi con. Xét việc giao con cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con, hiện cháu Đ đang sống chung với chị T và đang được đi học lớp 2 nên việc giao con cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T chưa đặt ra yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về tài sản*: Chị T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ*: Chị T khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Chị T là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc T được ly hôn anh Lê Khánh L.

Về con chung: Chị Trương Thị Ngọc T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Tấn Đ, sinh ngày 29/12/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Ngọc T chưa đặt ra yêu cầu anh Lê Khánh L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

Về tài sản: Chị Trương Thị Ngọc T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ: Chị Trương Thị Ngọc T khai không có, Tòa không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012933 ngày 18 tháng 10 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã Thạnh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang

Đã ký